

Bản án số: 97/2018/DS-PT

Ngày: 18/7/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Xuân Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T

Bà Lê Thị B

Địa chỉ cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Công Trứ.

Địa chỉ cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 3 năm 2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lưu Ngọc T – Văn phòng Luật sư Lưu ngọc T - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T

Ông Lê Văn N

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị A

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến tháng 11/2015, ông Lê Văn T và bà Lê Thị B có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn N vay tiền vàng nhiều lần để làm ăn nhưng không có làm giấy tờ cụ thể:

- + Vay của ông T 09 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng;
- + Vay của bà B 59,5 chỉ vàng 24k, 5,9 chỉ vàng 18k và 144.500.000 đồng
- + lãi vàng: 40.000 đồng/01 chỉ/01 tháng
- + Lãi tiền: 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Sau khi vay bà T và ông N chỉ đóng lãi được 01 tháng sau đó thì không còn đóng lãi nữa.

Ngày 21/4/2016 tại tổ hòa giải bà T thừa nhận nợ nhưng yêu cầu được trả dần, sau lần hòa giải vợ chồng bà T có trả nhiều lần cho ông T 04 chỉ vàng 24k, trả cho bà B 12 chỉ vàng 24k.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà T, ông N cùng có trách nhiệm trả như sau:

+ Trả cho ông T: 05 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng, và lãi suất 0,75%/ tháng, tính từ ngày 21/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2017 làm tròn 18 tháng với số tiền lãi là 2.550.000 đồng.

+ Trả cho bà B: 47,5 chỉ vàng 24k, 5,9 chỉ vàng 18k và 144.500.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 21/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2017 làm tròn 18 tháng với số tiền lãi 18.423.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trước đây, bà có vay của ông T 09 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng, vay của bà B 59,5 chỉ vàng 24k và 144.500.000 đồng, số nợ này do bà vay riêng rồi đưa lại cho anh em bên gia đình cha mẹ ruột làm ăn nuôi cá, chồng bà ông N không biết và không liên quan đến số nợ này. Do anh em làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ nên bà chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho nguyên đơn.

Bà đã trả được 16 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn, hiện còn nợ ông T 05 chỉ vàng 24k, nợ bà B 47,5 chỉ vàng 24k và 144.500.000 đồng. Bà đồng ý trả số nợ trên và xin được trả dần mỗi tháng 01 chỉ vàng 24k và xin được miễn tiền lãi.

Riêng 05 chỉ vàng 18k do bà B đem cầm tại tiệm cầm đồ P, khi đó đến hạn đóng lãi cho bà B nhưng bà không có tiền đóng nên bà B kêu bà mang giấy cầm đồ đến tiệm cầm đồ P lấy thêm 2.000.000 đồng để đóng lãi cho bà B. Giấy cầm đồ ghi tên bà T số tiền 10.500.000 đồng bà không biết lý do, có lẽ do bà B và tiệm cầm đồ sửa lại nội dung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày: Trước đây bà có nhờ con bà là Nguyễn Thị T vay dùm cho bà 10 chỉ vàng 24k, bà nghe T nói vay của bà B, sau đó bà đã trả được 05 chỉ và còn nợ lại 05 chỉ vàng 24k. Nay bà đồng ý trả 05 chỉ vàng 24k cho bà T để bà T trả lại cho bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T tuyên xử như sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm:

Trả cho ông Lê Văn T số nợ gốc 05 (năm) chỉ vàng 24k, 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

Trả cho bà Lê Thị B số nợ gốc 47,5 (Bốn mươi bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k, 5,9 (Năm phẩy chín) chỉ vàng 18k; 144.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm

trăm ngàn đồng) và tiền lãi 18.423.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).

2. Ghi nhận bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu trách nhiệm trả lại bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng 18k để bà T trả nợ cho bà Lê Thị B.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2017 ông Lê Văn T và bà Lê Thị B cùng kháng cáo yêu cầu buộc ông Lê Văn N cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị T trả nợ cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu ở trên;

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc ông N cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà T để trả nợ. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào để chứng minh số nợ bà T vay là có sự đồng ý của ông N cùng vay. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị B và ông Lê Văn T khởi kiện ông Lê Văn N và Nguyễn Thị T đòi nợ vay. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Lê Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015, ông T và bà B có cho vợ chồng bà T và ông N vay tiền và vàng nhiều lần. Đến nay bà T còn nợ ông T 05 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng và nợ bà B 47,5 chỉ vàng 24K, 5,9 chỉ vàng 18K và 144.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà T thừa nhận còn nợ ông T 05 chỉ vàng 24K và 20.000.000 đồng và nợ bà B 47,5 chỉ vàng 24K, số tiền 144.500.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy đã đủ căn cứ chứng minh bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vàng nói trên. Đối với 5,9 chỉ vàng 18K bà T không thừa nhận có nợ và xin không tính lãi đối với số nợ trên. Tuy nhiên qua thu thập chứng cứ tại biên nhận cầm đồ ngày 29/11/2015 (bút lục 46) thể hiện người cầm 5,9 chỉ vàng 18k là bà T, ngoài ra tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Thùy T (bút lục 51) chủ tiệm cầm đồ P trình bày bà T là người cầm sợi dây chuyền 5,9 chỉ vàng 18k với giá 10.500.000 đồng. Do đó có cơ sở bà T có mượn số vàng trên của bà B. Sau khi xét xử sơ thẩm bà T cũng không kháng cáo nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét thêm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu buộc ông Lê Văn N cùng chịu trách nhiệm liên đới với vợ là bà Nguyễn Thị T trả số nợ đã vay cho nguyên đơn. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn cho rằng số nợ nói trên là cho vợ chồng bà T và ông N vay nhưng không làm văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng, trong khi bị đơn bà T thừa nhận chỉ một mình bà đứng ra vay, ông N chồng bà không biết việc bà vay, số nợ này bà vay để đưa lại cho anh em bên gia đình bà làm ăn chứ không có liên quan gì đến ông N. Hơn nữa, suốt quá trình giải quyết vụ án bà B, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông N biết và cùng bà T vay số nợ nói trên, cũng không chứng minh được bà T đã dùng số tiền vay của bà B và ông T để phục vụ nhu cầu

sinh hoạt, kinh tế trong gia đình. Do đó không thể buộc ông N cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc ông N chịu trách nhiệm liên đới là có căn cứ.

Từ các căn cứ phân tích nêu trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Lê Thị B.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử : Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Lê Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T số nợ gốc 05 (năm) chỉ vàng 24K, 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 2.550.000 đồng (hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả cho bà Lê Thị B số nợ gốc 47,5 (bốn mươi bảy phẩy năm) chỉ vàng 24K; 5,9 (năm phẩy chín) chỉ vàng 18K; 144.500.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi 18.423.000 đồng (mười tám triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu trách nhiệm trả lại bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng 18K để bà T trả nợ cho bà Lê Thị B.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.163.717 đồng (mười chín triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm mười bảy đồng).

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông T 925.000 đồng, bà B 8.004.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp theo các biên lai thu số 002086, 002085 cùng ngày 14/4/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T bà Lê Thị B mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 002417 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Ông T, bà B còn phải nộp 300.000 đồng, án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thu hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND quận T
- Chi cục THA.DS quận T;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

Trần Trí Dũng